

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

06 tháng đầu năm 2026

(Đính kèm Thông báo số 316/TB-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông)

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Địa chỉ	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai									
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng hỗn hợp		Sử dụng khác
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1	Trụ sở Đảng ủy - Đoàn thể (+Công an+Ban chỉ huy quân sự) (03 nhà)	276/66 Tân Hòa Đông, P.Bình Trị Đông	1.598,80	15.452.856.000	X							1.533,60	6.600.679.850	3.920.347.920	X								
2	Trụ sở UBND phường Bình Trị Đông (UBND Phường + Công an + Ban chỉ huy quân sự) (04 nhà)	162 Mã Lò, P Bình Trị Đông A	4.081,40	156.235.992.000	X							2.359,20	7.790.719.433	2.127.272.319	X								
3	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 18, 19, 20)	275 đường Lê Văn Quới, P.Bình Trị Đông	168,70	4.129.766.000	X							158,70	237.359.000	0	X								
4	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 13,31)	313 Phan Anh, P.Bình Trị Đông, địa chỉ: 313 Phan Anh, P.Bình Trị Đông	137,30	3.072.744.000	X							128,70	423.546.000	0	X								
5	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 28, 29, 50, 56)	618 - 618 A Hương Lộ 2, P.Bình Trị Đông	185,70	3.788.280.000	X							89,40	440.546.000	0	X								
6	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 32, 33)	54 Đinh Nghi Xuân, P.Bình Trị Đông	71,00	1.030.920.000	X							92,20	60.000.000	0	X								
7	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 53, 54)	79/56 Phan Anh, P.Bình Trị Đông	116,80	1.135.296.000	X							39,40	60.000.000	0	X								
8	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 55, 69)	297/1A Đường Tân Hòa Đông, P. Bình Trị Đông	46,50	451.980.000	X							82,50	355.213.000	0	X								
9	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 77)	346 Tinh Lộ 10, P.Bình Trị Đông	46,60	889.128.000	X							46,60	64.588.000	0	X								
10	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 67, 73)	44A Liên khu 16-18, P.Bình Trị Đông	74,70	977.076.000	X							100,80	417.965.000	0	X								
11	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 59, 66)	110C Trương Phước Phan, P.Bình Trị Đông	128,80	1.932.000.000	X							152,50	200.151.000	0	X								
12	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 74, 75)	794 Tinh lộ 10, P.Bình Trị Đông	341,90	6.523.452.000	X							186,10	367.762.000	0	X								
13	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 68, 71, 72, 75)	530 Tinh Lộ 10, P. Bình Trị Đông	199,00	3.796.920.000	X							177,70	429.996.000	143.219.381	X								
14	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 34, 35, 51)	52 đường Đinh Nghi Xuân	102,00	1.481.040.000	X							78,00	161.000.000	0	X								
15	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 16, 17, 30)	Số 1B Trương Phước Phan, khu phố 2, P. Bình Trị Đông	28,00	586.320.000	X							42,50	400.000.000	0	X								
16	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 36, 37)	643A đường Hương Lộ 2, khu phố 7, P. Bình Trị Đông	54,00	999.600.000	X							49,00	372.763.000	173.877.371	X								

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Địa chỉ	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai								
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
17	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 49, 57, 58)	Số 784 đường Tinh Lộ 10, P. Bình Trị Đông	80,00	1.526.400.000	X						80,00	1	1	X								
18	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 65)	844 Tinh lộ 10, P Bình Trị Đông A	166,40	6.339.840.000	X						209,40	232.774.000	0	X								
19	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 47)	158 Mã Lò, P Bình Trị Đông A	77,50	2.966.700.000	X						124,30	213.051.000	0	X								
20	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 13, 25, 42)	974 Hương lộ 2, P Bình Trị Đông	187,20	7.626.528.000	X						165,30	210.613.000	0	X								
21	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 43, 44)	1009 Hương Lộ 2, P Bình Trị Đông	113,00	4.603.620.000	X						102,50	353.125.000	229.339.686	X								
22	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 48, 60, 64)	858 Tinh lộ 10, P.Bình Trị Đông	338,20	12.885.420.000	X						177,00	550.080.000	0	X								
23	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 62)	20/6 Mã Lò, P. Bình Trị Đông	207,30	3.967.722.000	X						148,00	318.200.000	0	X								
24	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 27, 28, 36, 38)	704/1H khu phố 4, đường Hương Lộ 2, P. Bình Trị Đông	57,50	1.171.275.000	X						100,70	671.328.000	263.153.213	X								
25	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 21, 22)	457/41 khu phố 5, đường Lê Văn Quới, P. Bình Trị Đông	65,50	1.603.440.000	X						106,00	638.311.500	0	X								
26	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 23, 26, 46)	457/43 khu phố 5, đường Lê Văn Quới, P. Bình Trị Đông	76,10	1.862.928.000	X						116,40	638.311.500	0	X								
27	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 63)	số 2 Lê Đình Cẩn, P.Bình Trị Đông			X						60,00	441.112.720	294.020.008	X								Đất mượn của Đình, nhà do UBND phường xây
28	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 8, 10)	8 đường Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông	829,50	43.753.920.000	X							0	0	X								
29	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 3,4)	19 đường số 10, P. Bình Trị Đông	50,40	882.000.000	X						45,30	90.000.000	0	X								
30	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 5)	10/6D đường số 10, P. Bình Trị Đông	38,40	336.000.000	X						81,10	301.779.000	8.319.040	X								
31	UBND phường Bình Trị Đông (Khu phố 8)	8 Lê Văn Quới, phường Bình Trị Đông	131,10	5.348.880.000	X						61,60	86.000.000	0	X								Không có trong biên bản bàn giao giữa UBND quận Bình Tân và UBND phường mới, đã thực hiện liên hệ phường BHH để thực hiện, bàn giao tiếp nhận trụ sở này
32	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường	354 Tinh Lộ 10, phường Bình Trị Đông	190,10	3.627.108.000		X					108,00	232.000.000	0		X							
33	Trung tâm Cung ứng dịch vụ công phường	Số 1A, Đường Liên khu 1-6, P. Bình Trị Đông	2.558,00	12.278.400.000		X					2.602,24	21.033.179.337	12.921.491.233		X							
34	Trường Mầm non Bình Trị Đông	110A đường Trương Phước Phan, khu phố 17, P. Bình Trị Đông	5.673,30	43.897.726.080		X					4.128,52	37.033.596.000	23.575.614.318		X							
35	Trường Tiểu học Bình Trị Đông	276/68 Tân Hòa Đông, P.Bình Trị Đông	5.882,30	57.175.956.000		X					6.216,00	18.084.381.034	12.339.716.625		X							

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Địa chỉ	Công khai về đất							Công khai về nhà											Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai							
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp			Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác		
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê							Liên doanh, liên kết	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh, liên kết	
36	Trường Tiểu học Bình Trị 1	620 Hương lộ 2, P.Bình Trị Đông	5.549,30	61.597.230.000		X					5.895,00	58.093.904.450	46.624.725.770		X						
37	Trường THCS Bình Trị Đông	B15/22C Hương lộ 2, P.Bình Trị Đông	4.248,50	87.403.800.000		X					4.331,00	6.247.976.520	110.819.733		X						
38	Trường THCS Lý Thường Kiệt	33 Trương Phước Phan, khu phố 2, P. Bình Trị Đông	11.524,20	172.863.000.000		X					9.027,00	123.597.004.952	88.992.726.444		X						
39	Trường Mầm non Cẩm Tú	160 Mã lò, phường Bình Trị Đông	3.588,10	45.975.995.000		X					2.931,66	7.627.261.404	2.440.723.647		X						
40	Trường Tiểu học Bình Trị Đông A	999 Hương lộ 2, P.Bình Trị Đông	1.727,00	35.234.880.000		X					2.530,00	4.327.816.000	1.038.675.840		X						
41	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	Số 964/64 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông	17.095,00	147.239.235.000		X					9.014,00	93.176.863.128	90.878.668.298		X						
42	Trường THCS Bình Trị Đông A	160A Mã Lò, P. Bình Trị Đông	10.859,70	207.841.260.000		X					10.859,00	20.430.742.789	13.443.806.539		X						
43	Trạm Y tế phường	276/51 Tân Hòa Đông, phường Bình Trị Đông	955,00	9.282.600.000		X					508,00	3.331.698.141	1.305.681.747		X						Đang thực hiện công tác bàn giao
44	Điểm Y tế của Trạm Y tế phường	815 Hương Lộ 2, phường Bình Trị Đông	1.037,00	21.154.800.000		X					551,00	4.447.781.211	2.371.429.654		X						Đang thực hiện công tác bàn giao
	Tổng cộng:		80.686,80	1.202.930.033.080							65.596	420.791.178.970	303.203.628.787								

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG